

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 27/8/2019

V/v: "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Rết;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành;

Ông Nguyễn Thành Hữu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Nguyễn Văn Sạch, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 12 và 27 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2019/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về " *Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 21/2019/HNGĐ-ST ngày 10/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 160/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông A, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Bà B, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư C, Luật sư của Văn phòng Luật sư C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau:

Nguyễn đơn ông A trình bày: Vào năm 2009, ông A và bà B tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 07/9/2009. Quá trình chung sống, ông, bà có 02 con chung là cháu K, sinh ngày 13/8/2009 và cháu E, sinh ngày 28/6/2016, hiện đang sống với gia đình. Do vợ chồng không cùng chung quan điểm sống, nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại được. Nay ông A yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: ông A xin được ly hôn với bà B.
- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà B trình bày: bà thống nhất với lời trình bày của ông A về mối quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung và tài sản chung. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn do ông A ngoại tình với người phụ nữ khác. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông A, bà B có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà đồng ý ly hôn với ông A.
- Về con chung: yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung và yêu cầu ông A cấp dưỡng theo quy định pháp luật.
- Về tài sản chung và nợ chung: Đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện K, thụ lý giải quyết như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 273 và điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, các Điều 82, 82, 83, 84 và 110 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

- 1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh A được ly hôn với chị B.

2/ Về con chung: Giao cho chị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu K, sinh ngày 13/8/2009 và cháu E, sinh ngày 28/6/2016, đến tuổi trưởng thành, Anh B được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, hai người cung chung này, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu K, sinh ngày 13/8/2009 và cháu E, sinh ngày 28/6/2016, theo định kỳ hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/người/tháng). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm (10/6/2019), cho đến khi hai cháu K và E tròn 18 tuổi. Quyết định về nội dung này có hiệu lực thi hành ngay.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự đã tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/6/2019, nguyên đơn ông A có đơn kháng cáo một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm nêu trên và yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết cho ông A được nuôi cháu E sinh ngày 28/6/2016 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà B cấp dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông C trình bày và phân tích các căn cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông A, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin được trực tiếp nuôi cháu E đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng của ông A, giao cháu E cho ông A nuôi dưỡng đến trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hình thức, nội dung và thời hạn kháng cáo của nguyên đơn ông A là đúng theo quy định, kháng cáo hợp lệ.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà B và xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu K, sinh ngày 13/8/2009 và cháu E, sinh ngày 28/6/2016. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật tranh chấp ở đây là “tranh chấp về ly hôn và nuôi con” thì mới chính xác. Việc cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hôn nhân gia đình” thì chưa đảm bảo, nên cấp phúc thẩm cần xác định lại quan hệ tranh chấp cho phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: ông A và bà B tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 107, Quyển số 01/2009, ngày 07/9/2009, ông A và bà B có 02 người con chung là cháu K, sinh ngày 13/8/2009 và cháu E, sinh ngày 28/6/2016. Trong quá trình chung sống thì ông A và bà B không cùng chung quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên ông A xin ly được ly hôn, về con chung thì xin được nuôi hai cháu, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà B thống nhất ly hôn với ông A, yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu cấp dưỡng theo quy định. Sự việc được Tòa án nhân dân huyện K giải quyết ông A được ly hôn với bà B, bà B được nuôi 02 cháu K và cháu E và ông A phải cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông A kháng cáo yêu cầu được nuôi cháu E đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông A thì thấy đây là vấn đề phát sinh mới sau khi xét xử sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của ông A. Để làm rõ yêu cầu kháng cáo của ông A, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các hoạt động tố tụng xác minh, cụ thể là:

[4] Tại biên bản xác minh ngày 19/8/2019 đối với bà L – Phó phòng Hành chính nhân sự Công ty TNHH X, thì bà Em trình bày “...hiện nay ông A đang làm việc tại Phòng kỹ thuật cơ điện, đang giữ chức vụ thư ký tổng hợp, làm việc theo giờ hành chính, được nghỉ ngày chủ nhật, không có trực ca đêm, không có đi công tác...lương thực lãnh khoảng 8 triệu đến 8,5 triệu/ tháng...”. Tại biên bản xác minh ngày 19/8/2019 đối với cô T, cô T trình bày “...Bé E nhập học tại trường vào ngày 26/6/2019, hiện cháu E học tập tốt, tinh thần vui vẻ, hòa đồng với bạn bè và nghe lời thầy cô, sinh hoạt của cháu thì cháu thực hiện tốt...”. Tại biên bản xác minh ngày 21/8/2019 đối với bà Y – Chủ nhà trọ Y, bà Y cho biết “...anh A đến ở trọ lâu rồi, hiện anh A đang sống chung với cháu E, ngoài ra không còn ở chung với ai hết, giờ giấc đi về cũng chấp hành tốt, được những người xung quanh

thương mến...” và tại biên bản xác minh ngày 19/8/2019 đối với ông S (cha ruột của ông A), ông S cho biết “đối với phần đất anh A và chị B đang cất nhà ở hiện nay là ông, chỉ cho mượn ở, nếu anh A và chị B ly hôn thì ông lấy lại”.

Trong khi theo Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con....”*

Như vậy, mặc dù, tại biên bản hòa ngày 18/3/2019 thì ông A đồng ý giao hai con là cháu K và cháu E cho bà B nuôi dưỡng nhưng qua xác minh cho thấy thu nhập mỗi tháng của bà B là 3.500.000đ như bà B trình bày tại các phiên tòa phúc thẩm ngày 12/8/2019, 27/8/2019 và đất mà bà B đang ở là của cha chồng cho mượn nên xét về hoàn cảnh thì bà B không đảm bảo đủ điều kiện để nuôi hai cháu phát triển tốt. Do hiện nay hai cháu trong độ tuổi phát triển, cần có nhu cầu vui chơi, học tập, ăn uống, nghỉ ngơi để phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần. Ngược lại, ông A có công việc ổn định, thu nhập mỗi tháng sau khi trừ các khoản chi phí, còn lại 8.000.000đ đến 8.500.000đ; Hiện cháu E cũng đã nhập học tại Trường mầm non Mai Anh, đang học tập và phát triển tốt và cháu E đang ở với ông A tại Nhà trọ Y. Do đó, ông A có đủ điều kiện để nuôi cháu E đến tuổi trưởng thành, đồng thời ông A cũng muốn chia sẻ một phần khó khăn, một phần trách nhiệm, một phần gánh nặng đối với bà B trong việc nuôi con, cũng như thực hiện thiên chức của người cha về việc nuôi dưỡng, giáo dục con cái. Hơn nữa, sau khi xét xử sơ thẩm, cháu E đã sống ổn định với ông A, tránh xáo trộn trong sinh hoạt, gây trạng thái tâm lý không tốt cho cháu. Do đó, cần giao cháu E cho ông A nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà B được quyền thăm nuôi, chăm sóc, giáo dục cháu E không ai được ngăn cản là phù hợp với Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 như đã viện dẫn trên và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh mỗi bên để cùng nhau chăm lo cho hai cháu.

[5] Do ông A được trực tiếp nuôi dưỡng cháu E và không yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án cấp phúc thẩm không cần xem xét.

Do đó, cần phải sửa một phần bản án sơ thẩm, giao cháu E cho ông A nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Trong quá trình nuôi các cháu, bà B cũng như ông A có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con theo quy định pháp luật hôn nhân và gia đình nếu có chứng cứ chứng minh việc người trực tiếp nuôi con không đảm bảo nuôi dưỡng con.

[6] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn và Kiểm sát viên là có cơ sở như đã phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[7] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: ông A không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0008638, ngày 20/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông A.

1. Sửa một phần về người trực tiếp nuôi con đối với Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 21/2019/HNGĐ-ST ngày 10/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng đã xét xử về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” giữa nguyên đơn ông A với bị đơn bà B, như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 273 và điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 và 110 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: ông A được ly hôn với bà B.

2/ Về con chung:

2.1/ Giao cho bà B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, sinh ngày 13/8/2009. Ông A được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, cháu K, không ai được quyền ngăn cản.

2.2/ Giao cho ông A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu E, sinh ngày 28/6/2016, đến tuổi trưởng thành, bà B được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, cháu E, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K, sinh ngày 13/8/2009 theo định kỳ hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng.

Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm (10/6/2019), cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi. Quyết định về nội dung này có hiệu lực thi hành ngay.

Ông A không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi cháu E nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự đã tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc ông A phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, tổng cộng là 600.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0006522, ngày 27/02/2019, chủ Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Như vậy, ông A còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

3. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: ông A không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0008638, ngày 20/6/2019 tại Chi cục Thi hành án huyện K.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện K;
- CC THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.

Thái Rết

